TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÊ LINH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2023/QĐST-DS	*Mê Linh, ngày 10 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *"Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02/3/2023 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 77/2022/TLST-DS ngày 14/11/2022 về *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng NNVPTNTVN; địa chỉ: Số 2 L H, phường Th C, quận B Đ, thành phố H N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T V Th – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ng Tr Ch – Giám đốc Ngân hàng NNVPTNTVN - Chi nhánh M L *(theo Quyết định ủy quyền số 2965 ngày 27/12/2019)*.

Người được ông Ng Tr Ch ủy quyền lại: Ông Ng H H - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng NNVPTNTVN - Chi nhánh M L và ông Tr Ng K – Trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng NNVPTNTVN - Chi nhánh M L *(theo Giấy ủy quyền số 1297/UQ-NHNo.ML-TH ngày 08/11/2022)*.

1.2. Bị đơn: Ông Ng V T, sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn Đ C, xã Tr V, huyện M L, thành phố H N.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

13.1. Hộ gia đình ông M:

- Ông Ng V M, sinh năm: 1941; bà L Th S, sinh năm: 1943; ông Ng V T, sinh năm: 1970; bà Đ Th N, sinh năm: 1974; chị Ng Th Ng, sinh năm: 2000 và cháu Ng V Ph H, sinh ngày 22/12/2013 *(Đại diện của cháu H là ông Ng V T và bà Đ Th N)*. Cùng địa chỉ: Đ C, xã Tr V, huyện M L, TP. H N

- Chị Ng H A, sinh năm: 1993; địa chỉ: Số 138, phố H B, quận H K, thành phố H N.

- Chị Ng Th Ph Th, sinh năm: 1996; địa chỉ: Thôn D H, xã T Ph, huyện M L, thành phố H N.

Người đại diện của ông Ng V M: Bà L Th S, sinh năm: 1943; địa chỉ: Thôn Đ C, xã Tr V, huyện M L, TP. H N.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S, bà N, chị Ng, chị H A và chị Ph Th là: Ông Ng V T, sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn Đ C, xã Tr V, huyện M L, thành phố H N.

1.3.2. Hộ gia đình ông Ch: Ông Ng V Ch, sinh năm: 1969; bà Ng Th H, sinh năm: 1973; anh Ng Th C, sinh năm: 1992; chị Ng Th Th Ng, sinh năm: 1999. Cùng địa chỉ: X Ch - H L, xã M L, huyện M L, thành phố H N.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, anh C và chị Ng là: Ông Ng V Ch, sinh năm: 1969; địa chỉ: X Ch - H L, xã M L, huyện M L, thành phố H N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Ng V T phải thanh toán cho Ngân hàng NNVPTNTVN tổng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 02/3/2023 là: 4.650.517.888đ *(bốn tỷ sáu trăm năm mươi triệu năm trăm mười bảy nghìn tám trăm tám mươi tám đồng)*. Trong đó, nợ gốc là 3.600.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 948.758.299 đồng; nợ lãi quá hạn: 101.759.589 đồng, theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 2802-LAV-201702604 ngày 28/11/2017 và chứng từ theo dõi tiền vay và kỳ trả nợ ngày 28/11/2017. Tổng số tiền nợ gốc, lãi là 2.982.032.272 đồng, trong đó: Gốc là 2.300.000.000 đồng; lãi trong hạn 628.961.039 đồng; lãi quá hạn 53.071.233 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số: 2802-LAV-202001100 ngày 29/5/2020 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 29/5/2020. Tổng số tiền nợ gốc, lãi là 1.668.485.616 đồng, trong đó: Gốc là 1.300.000.000 đồng; lãi trong hạn 319.797.260 đồng; lãi quá hạn 48.688.356 đồng.

* Hai bên thỏa thuận lộ trình trả nợ như sau:

- Chậm nhất ngày 31/5/2023: Ông Ng V T phải trả cho Ngân hàng NNVPTNTVN số tiền 300.000.000 đồng - Ưu tiên trả vào nợ gốc;

- Chậm nhất ngày 30/6/2023: Ông Ng V T phải trả cho Ngân hàng NNVPTNTVN số tiền 1.000.000.000 đồng - Ưu tiên trả vào nợ gốc;

- Chậm nhất ngày 30/9/2023: Ông Ng V T phải trả cho Ngân hàng NNVPTNTVN số tiền 1.200.000.000 đồng - Ưu tiên trả vào nợ gốc;

- Chậm nhất ngày 31/12/2023: Ông Ng V T phải trả cho Ngân hàng NNVPTNTVN số tiền 1.100.000.000 đồng vào tiền gốc.

2.2. Đối với lãi suất: Ngoài lãi suất phải trả tính đến ngày 02/3/2023 nêu trên *(1.050.517.888 đồng)* thì ông T còn phải trả cho Ngân hàng NNVPTNTVN toàn bộ tiền lãi phát sinh của khoản vay trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 2802-LAV-201702604 ngày 28/11/2017 và Hợp đồng tín dụng số: 2802-LAV-202001100 ngày 29/5/2020 kể từ ngày 03/3/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.3. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Ng V T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo đúng lộ trình nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng NNVPTNTVN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản bảo đảm bao gồm:

- Thửa đất số 202[a], tờ bản đồ số 01 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thôn Đ C, xã Tr V, huyện M L, TP H N theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số C 346660, vào sổ cấp GCN số: 02164.QSDĐ/1306/QĐ-UB do UBND huyện Mê Linh cấp ngày 23/9/2003 mang tên hộ ông Ng V M. Nghĩa vụ bảo đảm của tài sản trên theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 2643, quyển số 06/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 27/11/2017 tại Phòng công chứng Số 9 – TP H N.

- Thửa đất số 5760, tờ bản đồ số 10 và tài sản gắn liền với đất *(kể cả tài sản phát sinh sau khi thế chấp)* tại địa chỉ: X Ch, xã M L, huyện M L, tỉnh V Ph *(nay là TP H N)* theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: N 908209, do UBND huyện M L cấp ngày 15/03/1999 mang tên hộ ông Ng V Ch. Nghĩa vụ bảo đảm của tài sản trên theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 2643, quyển số 761/2017/HĐTC ; Quyển số : 01 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 29/12/2017 tại Văn phòng công chứng Ng Q V – TP HN Nội và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐTC ngày 28/5/2020.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Ng V T đối với Ngân hàng NNVPTNTVN. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Ng V T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng NNVPTNTVN.

2.4. Về tiền chi phí thẩm định: Ngân hàng Ngân hàng NNVPTNTVN tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định *(đã thanh toán xong).*

3. Về án phí:

- Ông Ng V T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.325.000đ *(năm mươi sáu triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).*

- Trả lại cho Ngân hàng NNVPTNTVN số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 56.200.000đ *(năm mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0020794 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Mê Linh;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Việt Phương